TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 265/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 212/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị N và anh Ma Văn T. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 408, quyển số 05, ngày 10/01/2005 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang).*

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Ma Văn Thế là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ma Văn Q, sinh ngày 23/6/2008. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q sau ly hôn.

Sau khi ly hôn chị Hà Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Q mà không ai được cản trở.

Cháu Ma Tiến H, sinh ngày 22/5/2002, đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho chị Hà Thị N và anh Ma Văn T, do chị N, anh Thế L dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- UBND xã Tri Phú (nơi ĐKKH);
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đào Thị Bích Ngọc